TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2019
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất.
Ông Đinh Ngọc Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 445/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2019 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 93/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Mạc Y M, sinh năm: 1969.
Địa chỉ: Số 383, tổ 10, ấp 3, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Người bị kiện: Bà Lỷ Sắt M, sinh năm: 1970.
Địa chỉ: Khu 1, ấp N, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(ông M, bà M có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, biên bản làm việc ngày 25/6/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/7/2019, 07/8/2019 và tại phiên tòa hôm nay, ông Mạc Y M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lỷ Sắt M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 28/4/1989.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bà M không tôn trọng ông, như việc quản lý cuộc sống của ông, chửi bới ông ngay trước mặt bạn ông, tiền

trong nhà bà M quản lý hết, ông phải đi làm rẫy thuê và ở nhờ để sống nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M. Tại phiên tòa bà M tiếp tục cung cấp hình ảnh và bà cho rằng đây là hình ảnh ông chụp chung với người phụ nữ khác, nhưng đây không phải là hình của ông, có thể được đã được cắt ghép.

Về con chung: Có 04 con chung là Mạc Ngọc S, sinh năm: 1990, Mạc Ái L, sinh năm: 1995, Mạc Kim A, sinh năm: 1999, Mạc Kim P, sinh năm: 2000, các con đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

- Tại biên bản làm việc ngày 25/6/2019 và tại phiên tòa, bà Lý Sắt M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mạc Y M tự nguyện thương yêu nhau và chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 28/4/1989. Sau khi cưới ông bà chung sống tại Long Khánh, đến năm 1992 thì về chung sống tại xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, đến tháng 4/2018 thì ông M tự ý bỏ đi khỏi nhà nên vợ chồng mới ly thân, nhưng bà còn tình cảm với ông và các con cũng cần ông nên bà không đồng ý ly hôn với ông.

Về con chung: Có 04 con chung là Mạc Ngọc S, sinh năm: 1990, Mạc Ái L, sinh năm: 1995, Mạc Kim A, sinh năm: 1999, Mạc Kim P, sinh năm: 2000, các con đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của ông M là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho ông M được ly hôn với bà M. Về con chung, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, đương sự trình bày tự thỏa thuận, về nợ chung đương sự trình bày không có, nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Ông M phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Mạc Y M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lý Sắt M, sinh năm: 1970, địa chỉ: Khu 1, ấp N, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Ông M và bà M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 28/4/1989 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông M tiếp tục xin ly hôn với bà M vì ông nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Bà M không đồng ý ly hôn vì cho rằng bà và gia đình cần ông.

Tuy nhiên, ông M vẫn kiên quyết ly hôn và tại phiên tòa hôm nay bà M tiếp tục cung cấp hình ảnh và cho rằng đây là hình ảnh của ông M có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng ông M không thừa nhận, đồng thời đây là hình ảnh bà M cung cấp từ điện thoại của bà, nên không có cơ sở để xem xét. Mặt khác, bà M thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay (con chung có xác nhận việc cha mẹ ly thân). Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa ông M và bà M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông M yêu cầu ly hôn với bà M là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 - Về con chung:

Ông bà có 04 người con chung là Mạc Ngọc S, sinh năm: 1990, Mạc Ái L, sinh năm: 1995, Mạc Kim A, sinh năm: 1999, Mạc Kim P, sinh năm: 2000, các con đã trưởng thành và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2.3 - Về tài sản chung: Ông bà trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4 - Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mạc Y M về việc *"Ly hôn"* với bà Lỷ Sắt M.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mạc Y M được ly hôn với bà Lỷ Sắt M.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông Mạc Y M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006785 ngày 14/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông Mạc Y M đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS (03);
- Đương sự (02);
- UBND xã X (01);
- Lưu hồ sơ (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương